

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐƠN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2022/HSST  
Ngày 17/06/2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN - TỈNH ĐẮK LẮK.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Định Tình

*Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Lam Điền

- Ông Trần Vĩnh Trung

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn .

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:* Ông  
Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân  
huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự  
thụ lý số: 16/2022/HSST ngày 20 tháng 05 năm 2022; Theo Quyết định đưa vụ án  
ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 31/05/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn L** ; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 16/10/2003; tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn S, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn:  
10/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông Nguyễn Văn M – Sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Th – Sinh  
năm 1973; Bị cáo có 01 anh ruột sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2022, theo Quyết định truy  
nã số 03/ĐTTH, ngày 19/11/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện  
Buôn Đơn, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Buôn  
Đơn. (có mặt)

2. Họ và tên: **Nông Văn Đ**; Tên gọi khác: Nô; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 22/9/2003; tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn M, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn:  
10/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông: (không xác định được) và bà Nông Thị T – Sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/03/2022, theo Quyết định truy  
nã số 04/ĐTTH, ngày 19/11/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

Buôn Đôn, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Buôn Đôn. (có mặt)

*Bị hại:* Ông Đặng Văn Ch – sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Đức Th – sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Cao Thiên V – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Đức H – sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Đặng Thị Ngọc O – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 53/11A P, P. T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người liên quan: Bùi Nguyễn Văn Ch – Sinh năm 2004

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Bảo Tr – sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP T, P. A, Tx. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Văn Th – sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Vũ Văn H – sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

+ *Người phiên dịch:* Ông Nông Quang Tr – Phó Phòng Dân tộc và Tôn giáo huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L là cháu họ của ông Đặng Văn Ch, trú tại thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Lập thường đến nhà ông Ch chơi nên biết được nơi cất chìa khóa nhà. L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà ông Ch nên đã lấy chìa khóa để cất giấu sẵn chờ thời cơ thuận lợi sẽ đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. Trưa ngày 06/3/2021, biết gia đình ông Ch vắng nhà, L dùng chìa khóa mở cửa lên vào trong nhà ông Ch và gọi điện cho Trần Thế Đ, trú tại thôn M, xã E, huyện B cùng đến chơi, tại đây L và Đ bắt trộm 01 (một) con gà chế biến thành thực phẩm cùng nhau ăn, đến chiều cả hai tiếp tục lấy trộm thêm 07 (bảy) con gà khác tại nhà ông Chín mang ra chợ xã Ea Bar bán cho một người phụ nữ (không rõ lai lịch) được số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), cả hai dùng số tiền trên đi ăn uống và chơi game tại quán Internet thuộc xã Ea Bar. Đến khoảng 00 giờ 30, ngày 07/3/2021, L quay lại nhà ông Ch để trộm cắp chiếc ti vi nhãn hiệu DARLING, màn hình phẳng, màu đen, màn hình rộng 42 inch nhưng không nói cho Đ biết; Đ đến quán Internet tìm L nhưng không thấy nên Đ đi tới nhà ông Ch tìm, khi vừa đến nơi thì L đưa chiếc ti vi trong nhà ông Ch ra ngoài; sau đó L nhờ Đ cùng đưa chiếc ti vi đến nhà Nguyễn Tấn Nh, trú thôn C, xã E, huyện B để gửi,

chờ thời cơ mang đi tiêu thụ; L không nói cho Nh biết về nguồn gốc chiếc ti vi trên là do trộm cắp mà có nên Nh đã đồng ý cho gửi tại nơi ở của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phát hiện thêm một số vụ trộm cắp tài sản mà Nguyễn Văn L cùng một số đối tượng khác thực hiện, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 17/3/2021, L cùng Bùi Nguyễn Văn Ch, trú tại thôn T, xã E, huyện B trèo rào, đột nhập vào rẫy của ông Lê Tấn Th, thuộc thôn T, xã E, huyện B trộm cắp được khoảng 40kg quả Hồ Tiêu (chưa khô) và 01 (một) chiếc bát đã cũ, đưa về cất giấu tại nhà của Ch chờ bán lấy tiền tiêu xài, sau khi cất giấu xong Ch đã bỏ đi không về nhà. Ngày 05/4/2021, Cơ quan điều tra mời chị Nguyễn Thị T là mẹ của Ch lên trụ sở thông báo về việc Ch đã cùng L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên; khi biết số tiêu lạ trong nhà mình là do Ch trộm cắp mang về nhà cất giấu, chị T đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra 01 (một) chiếc bát bên trong có chứa số tiêu trên, lúc này số tiêu đã khô trọng lượng còn lại là 14kg (mười bốn kilogam).

Vụ thứ hai: Ngày 18/3/2021, Lập và Bùi Nguyễn Văn Ch đến khu vực Thôn T, xã E tìm tài sản để trộm cắp, khi đi ngang rẫy của anh Cao Thiên V, thuộc Thôn T, xã E nhìn thấy chiếc xe mô tô BKS 93P2-004.30 để dưới gốc cây không có người trông coi, L nói Ch đứng ngoài cảnh giới còn mình lén lút tiếp cận chiếc xe rồi rút dây điện nguồn, dắt xe ra đường, sau đó khởi động xe chờ Ch tẩu thoát. Tối ngày 19/3/2021, Lập một mình điều khiển xe mô tô trên đến gặp Nông Văn Đ nói cho Đ biết chiếc xe là tài sản trộm cắp được, đồng thời bàn bạc cất giấu và tiêu thụ chiếc xe. Sau đó cả hai truy cập mạng internet để xem cách viết Giấy mua bán xe, rồi nhờ bạn gái của Đ là Nguyễn Bảo Tr trú phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk viết giúp giấy mua, bán xe nội dung thể hiện L là người bán, Đ là người mua; để tránh bị phát hiện và thuận tiện tiêu thụ, cả hai đã tháo BKS 93P2-004.30 của xe trộm cắp được, gắn biển kiểm soát 47AB-139.61 để thay thế và ghi trong Giấy mua bán xe. Ngày 20/3/2021, Đ dùng tài liệu này nói dối là bị mất Giấy chứng nhận đăng ký xe để bán chiếc xe mô tô trên cho Nguyễn Văn Th trú thôn M, xã E, được số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), Đ dùng số tiền này thuê phòng trọ để cả hai sử dụng chung. Sau khi mua xe, anh Th bán lại cho anh Nguyễn Văn H, trú cùng thôn được số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng); ngày 05/4/2021, Cơ quan điều tra đã giữ lại chiếc xe trên phục vụ công tác điều tra.

Vụ thứ ba: Ngày 31/3/2021, Nguyễn Văn L đi ngang qua khu vực rẫy thuộc Thôn 5, xã Ea Bar nhìn thấy chiếc xe mô tô BKS 47M7 -2677, nhãn hiệu Yamaha - Sirius của ông Lê Đức H, dựng ở rẫy không có người trông coi, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu L đã trộm cắp chiếc xe trên, sau đó điều khiển xe đến phòng trọ của Nông Văn Đ, tại hẻm số 138 Y Ngông, TP. Buôn Ma Thuột cất giấu và nói với Đ chiếc xe trên do L trộm cắp mà có, Đ đồng ý giữ lại tài sản trộm cắp tại phòng trọ của mình đồng thời bàn bạc với L không bán xe này mà giữ lại để làm phương tiện sử dụng chung.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS, ngày 30/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Buôn Đôn, kết luận: Giá trị của chiếc ti vi nhãn hiệu DARLING, màn hình phẳng rộng 42 inch, vỏ ngoài màu đen, model 40HD900T2, ký hiệu DARLING40HD900T2, 0403DL0315A01567,

ti vi đã qua sử dụng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng); giá trị của 08 (tám) con gà có trọng lượng khoảng 1,5kg/1 con là 656.000đ (sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Tổng cộng giá trị những tài sản trên là 2.156.000đ (hai triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS, ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Buôn Đôn, kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của chiếc xe mô tô BKS 47M7-2677, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: Nữ, màu đỏ - đen - bạc, số máy 5C62046788, số khung C6207Y046788, xe đã qua sử dụng, là 7.000.000đ (bảy triệu đồng); giá trị sử dụng còn lại của chiếc xe mô tô BKS 93P2-004.30, nhãn hiệu HONDA, màu xanh, số máy HC08E0172856, số khung 08062Y172987, xe đã qua sử dụng, là 5.200.000đ (năm triệu hai trăm ngàn đồng); giá trị sử dụng còn lại của chiếc xe mô tô BKS 47L6-8125, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ, màu xanh, số máy 3S31046361, số khung S3106Y046361, xe đã qua sử dụng, là 4.000.000đ (bốn triệu đồng); giá trị của 14kg (mười bốn kilôgam) quả hồ tiêu khô là 910.000đ (chín trăm mười ngàn đồng); giá trị còn lại của 01 (một) tấm bạt nylon màu trắng đục đã cũ, bề mặt có vết rách được vá lại, kích thước: Dài 5,5m, rộng 2,7m là 30.000đ (ba mươi ngàn đồng). Tổng cộng giá trị những tài sản trên là 17.140.000đ (mười bảy triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tại bản án số 03/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt Bùi Nguyễn Văn Ch 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đồng thời bản án đã xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra đã làm rõ 08 con gà bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thế Đ trộm cắp tại nhà ông Đặng Văn Ch là của chị Đặng Thị Ngọc O. Chị O yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thế Đ phải bồi thường 800.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L đồng ý nhận bồi thường toàn bộ số tiền 800.000 đồng cho bà Đặng Thị Ngọc O.

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKS, ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn truy tố bị cáo Nguyễn Văn L, về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nông Văn Đ, về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự

Quá trình điều tra và tại các biên bản tự khai, lấy lời khai các bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nông Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa sau khi đánh giá tính chất vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ, phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g; o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/02/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn Đ từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/03/2022.

Về biện pháp tư pháp: Đã được giải quyết tại bản án số 03/2022/HSST, ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho bà Đặng Thị Ngọc O số tiền là 800.000 đồng.

Đối với Trần Thế Đô, quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Văn L vào ngày 06/3/2021 và rạng sáng ngày 07/3/2021, tại nhà ông Đặng Văn Chín, tổng tài sản định giá là 2.156.000đ, có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Văn L về tội: Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi trên thì Trần Thế Đ đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được với Đ, hiện chưa xác định được Đ đang ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra tách hành vi của Trần Thế Đ để tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

Đối tượng Hoàng Giang Nh; anh Nguyễn Tấn Nh; chị Nguyễn Bảo Tr và bà Nguyễn Thị T đã được giải quyết tại bản án số 03/2022/HSST, ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn nên không đề cập xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn L và Nông Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, nên vào các ngày 06/3; 07/3; 17/3; 18/3 và 31/3/2021 Nguyễn Văn L đã có hành vi

trộm cắp 08 con gà; 01 chiếc tivi nhãn hiệu DARLING, màn hình phẳng, màu đen, màn hình rộng 42 inch của ông Đặng Văn Ch; trộm cắp 14kg hồ tiêu và 01 tấm bạt của ông Lê Tấn Th; trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 93P2-004.30 của ông Cao Thiên V; trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 47M7 -2677 của ông Lê Đức H. Tổng giá trị còn lại theo định giá là 15.296.000 đồng. Nông Văn Đ đã có hành vi tiêu thụ tài sản do Nguyễn Văn L và Bùi Nguyễn Văn Ch trộm cắp mà có gồm: 01 chiếc xe mô tô BKS 93P2-004.30 của ông Cao Thiên Vũ vào ngày 18/3/2021 và 01 chiếc xe mô tô BKS 47M7-2677 của ông Lê Đức H vào ngày 31/3/2021. Tổng giá trị còn lại theo định giá là 12.200.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn L nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Nông Văn Đ biết rõ được tài sản đối với các chiếc xe mô tô BKS 93P2-004.30 và xe mô tô BKS 47M7-2677 bị cáo Nguyễn Văn L trộm cắp mà vẫn chứa chấp, tiêu thụ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm vào tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

**Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nông Văn Đ đã phạm vào tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự 2015.

**Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:**

*1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, vị trí, vai trò và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo khác nhau.

Đối với Nguyễn Văn L cùng với Bùi Nguyễn Văn Ch và Trần Thế Đ là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo Nguyễn Văn L là người ru rê Bùi Nguyễn Văn Ch và Trần Thế Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 06/03/2021; ngày 17/03/2021 và ngày 18/03/2021. Bị cáo Nguyễn Văn L rủ rê Bùi Nguyễn Văn Ch trộm cắp tài, thời điểm phạm tội Chương mới 16 tuổi 03 tháng 09 ngày.

Bị cáo Nông Văn Đ mặc dù không hứa hẹn nhưng khi biết tài sản trộm cắp mà có vẫn tiêu thụ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93P2 – 004.30 và chứa chấp sử dụng chiếc xe mô tô 47M7-2677 mà bị cáo Nguyễn Văn L trộm cắp được làm phương tiện đi lại. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương do vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá về tính chất, mức độ, của hành vi phạm tội của từng bị cáo để áp dụng một hình phạt tương xứng mới bảo đảm tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Văn L có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự gồm: Phạm tội hai lần trở lên và xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm g; o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng qui định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự là đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Bị cáo Nông Văn Đ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc, có hoàn cảnh gia đình thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo trong khi lượng hình, cũng đủ góp phần để răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Về áp dụng hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đồng thời cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị cho các bị cáo hưởng các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ quy định khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g; o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét trong việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa loại tội phạm này trong xã hội.

[6] Các biện pháp tư pháp: Đã được giải quyết tại bản án số 03/2022/HSST, ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn nên không đề cập xử lý.

Xét tại phiên tòa hôm nay bị hại bà Đặng Thị Ngọc O vắng mặt nhưng quá trình điều tra, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Thế Đ bồi thường số tiền 800.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bà Đặng Thị Ngọc O là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nông Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nông Văn Đ đã phạm “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g; o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/02/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nông Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/03/2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại cho bà Đặng Thị Ngọc O số tiền là 800.000 đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1, Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nông Văn Đ phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- P. GĐKT TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Cơ quan THAHS huyện Buôn Đôn;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

***Huỳnh Định Tình***